CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 61/2023/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2023*

NGHỊ ĐỊNH
Về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về:

a) Nguyên tắc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước;

b) Phạm vi nội dung, hình thức của hương ước, quy ước;

c) Soạn thảo, thông qua, công nhận, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc tạm ngừng thực hiện, bãi bỏ hương ước, quy ước;

d) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước.

2. Nghị định này áp dụng đối với:

a) Cộng đồng dân cư theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước.

Điều 2. Hương ước, quy ước

Hương ước, quy ước là văn bản quy định về các quy phạm xã hội bao gồm các quy tắc xử sự do cộng đồng dân cư bàn và quyết định; không trái pháp luật và đạo đức xã hội; nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội mang tính tự quản của cộng đồng dân cư và được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận.

Điều 3. Mục đích xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước

1. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư trong việc giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường gắn với thực hiện dân chủ ở cơ sở, góp phần tích cực hỗ trợ việc quản lý nhà nước bằng pháp luật.

2. Bảo vệ, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp; hạn chế và từng bước loại bỏ phong tục, tập quán lạc hậu; xây dựng nếp sống văn minh trong cộng đồng dân cư.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước

1. Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật.

2. Xuất phát từ nhu cầu tự quản của người dân, trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, thống nhất, công khai, minh bạch trong cộng đồng dân cư; phát huy đầy đủ quyền làm chủ của Nhân dân và trách nhiệm của người dân đối với cộng đồng.

3. Tôn trọng tính tự chủ, tính đa dạng văn hóa và quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của cộng đồng dân cư.

4. Phù hợp với đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp; bảo vệ, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; xây dựng các giá trị văn hóa mới, quy tắc ứng xử văn minh, phù hợp với đặc điểm tình hình của cộng đồng dân cư.

Điều 5. Phạm vi nội dung của hương ước, quy ước

Tùy theo yêu cầu tự quản, tình hình kinh tế - xã hội, phong tục, tập quán ở từng địa phương, bảo đảm kế thừa có chọn lọc các nội dung phù hợp của hương ước, quy ước đã có và mục đích, nguyên tắc quy định tại các điều 3 và 4 Nghị định này, cộng đồng dân cư lựa chọn một hoặc một số nội dung sau để đưa vào phạm vi của hương ước, quy ước:

1. Các biện pháp, phương thức thích hợp giúp người dân trên địa bàn tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, bảo đảm và phát huy quyền tự do, dân chủ của cộng đồng dân cư; động viên và tạo điều kiện để cộng đồng dân cư thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của công dân.

2. Các phong tục, tập quán tốt đẹp và biện pháp hạn chế, tiến tới xóa bỏ phong tục, tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan; bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc; thực hiện nếp sống văn minh trong ứng xử, giao tiếp, ăn, ở, đi lại, việc cưới, việc tang và lễ hội; phòng, chống bạo lực gia đình, xây dựng hạnh phúc gia đình; phát triển các hoạt động văn hóa lành mạnh.

3. Các biện pháp góp phần bảo vệ tài sản của Nhà nước, cộng đồng và công dân; bảo vệ môi trường sinh thái; bảo đảm an ninh, trật tự, phòng, chống các tệ nạn xã hội trên địa bàn; xây dựng và phát huy tình làng, nghĩa xóm,

tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư; xoá đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống; khuyến học, khuyến tài, thúc đẩy phong trào học tập suốt đời; đẩy mạnh hướng nghiệp, đào tạo nghề, khuyến công, khuyến nông ở địa phương.

4. Các biện pháp thưởng, phạt phù hợp để bảo đảm thực hiện hương ước, quy ước nhưng không thay thế các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Các nội dung cần thiết khác do cộng đồng dân cư quyết định.

Điều 6. Hình thức của hương ước, quy ước

1. Hương ước, quy ước được thể hiện dưới hình thức văn bản, có chữ ký xác nhận của Trưởng thôn (Tổ trưởng tổ dân phố), Trưởng ban công tác Mặt trận ở cộng đồng dân cư và 02 (hai) đại diện của các hộ gia đình trong cộng đồng dân cư; khuyến khích đại diện là già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng dân cư. Hương ước, quy ước sau khi được công nhận có đóng dấu giáp lai của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Việc lựa chọn tên gọi "Hương ước" hoặc "Quy ước" do cộng đồng dân cư thống nhất, quyết định.

3. Hương ước, quy ước có thể được chia thành lời nói đầu, chương, mục, điều, khoản, điểm hoặc kết cấu khác phù hợp với nội dung; được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện.

4. Ngôn ngữ trong hương ước, quy ước là tiếng Việt.

5. Trường hợp cộng đồng dân cư có nhiều dân tộc của Việt Nam cùng sinh sống và sử dụng nhiều ngôn ngữ khác nhau thì việc dịch hương ước, quy ước từ tiếng Việt sang tiếng của một, một số hoặc tất cả các dân tộc đó do cộng đồng dân cư quyết định khi soạn thảo, lấy ý kiến, thông qua theo quy định tại các điều 8, 9 và 10 Nghị định này.

Chương II
SOẠN THẢO, CÔNG NHẬN, TẠM NGỪNG THỰC HIỆN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ HOẶC BÃI BỎ HƯƠNG ƯỚC, QUY ƯỚC

Điều 7. Đề xuất nội dung hương ước, quy ước

Việc đề xuất nội dung hương ước, quy ước được thực hiện bằng một trong các hình thức sau:

1. Trường hợp Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố đề xuất nội dung cơ bản dự kiến quy định trong hương ước, quy ước thì phải thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận ở cộng đồng dân cư trước khi đưa ra cộng đồng dân cư bàn và quyết định.

2. Trường hợp công dân cư trú tại cộng đồng dân cư đề xuất nội dung cơ bản dự kiến quy định trong hương ước, quy ước thì phải đề nghị Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận ở cộng đồng dân cư thực hiện lấy ý kiến bằng một trong các hình thức sau:

a) Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình tại cộng đồng dân cư theo quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 19 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

b) Thu thập ý kiến đồng thuận bằng hình thức trực tiếp tại cuộc họp của cộng đồng dân cư theo quy định tại Điều 18 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

c) Biểu quyết trực tuyến hoặc hình thức khác phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn.

3. Trường hợp đề xuất của công dân quy định tại khoản 2 Điều này được 10% trở lên tổng số hộ gia đình tại cộng đồng dân cư đồng thuận thì Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố đưa ra cộng đồng dân cư bàn và quyết định.

Trường hợp đề xuất của công dân quy định tại khoản 2 Điều này chưa đạt 10% tổng số hộ gia đình tại cộng đồng dân cư đồng thuận nhưng xét thấy có thể mang lại lợi ích cho cộng đồng dân cư và được Ban công tác Mặt trận ở cộng đồng dân cư tán thành thì Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố đưa ra cộng đồng dân cư bàn và quyết định.

Điều 8. Soạn thảo nội dung hương ước, quy ước

Việc soạn thảo hương ước, quy ước sau khi đề xuất nội dung được thực hiện như sau:

1. Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận ở cộng đồng dân cư lựa chọn người tham gia và thành lập Tổ soạn thảo hương ước, quy ước.

2. Tổ soạn thảo hương ước, quy ước bao gồm các thành viên là đại diện các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, người có uy tín trong cộng đồng dân cư, người có phẩm chất đạo đức tốt, kinh nghiệm sống và hiểu biết về pháp luật, văn hóa, phong tục, tập quán của địa phương. Đối với cộng đồng dân cư vùng đồng bào dân tộc thiểu số thì Tổ soạn thảo phải có thành viên là già làng, trưởng bản và người biết tiếng dân tộc.

3. Theo sự điều hành của Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, Tổ soạn thảo có trách nhiệm tổ chức soạn thảo hương ước, quy ước theo quy định tại các điều 3, 4, 5 và 6 và lấy ý kiến, thông qua, chuẩn bị hồ sơ công nhận hương ước, quy ước theo quy định tại các điều 9, 10 và 11 Nghị định này.

Điều 9. Lấy ý kiến dự thảo hương ước, quy ước

1. Dự thảo hương ước, quy ước trước khi đưa ra cộng đồng dân cư bàn, biểu quyết thông qua phải được niêm yết công khai tại nhà văn hóa - khu thể thao của cộng đồng dân cư, bảng tin công cộng, điểm sinh hoạt cộng đồng hoặc địa điểm khác bảo đảm thuận tiện để hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư tiếp cận, tìm hiểu và góp ý. Thời hạn niêm yết do cộng đồng dân cư quyết định nhưng không ít hơn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày niêm yết.

2. Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức lấy ý kiến của hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư về dự thảo hương ước, quy ước bằng một hoặc một số hình thức sau đây:

a) Sao gửi dự thảo hương ước, quy ước đến từng hộ gia đình;

b) Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật đã được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại cộng đồng dân cư;

c) Mở hòm thư tiếp nhận ý kiến góp ý;

d) Lấy ý kiến trong cuộc họp, hội nghị của cộng đồng dân cư, sinh hoạt của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức, đoàn thể khác ở cộng đồng dân cư hoặc hình thức phù hợp khác.

Việc lựa chọn hình thức lấy ý kiến do Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận ở cộng đồng dân cư quyết định và thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế ở cộng đồng dân cư.

3. Trong trường hợp cần thiết, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố có thể lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan bằng văn bản.

4. Tổ soạn thảo hương ước, quy ước có trách nhiệm tổng hợp, hoàn thiện dự thảo hương ước, quy ước trên cơ sở ý kiến của hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 10. Thông qua hương ước, quy ước

Hương ước, quy ước được thông qua khi có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong cộng đồng dân cư tán thành và được thực hiện bằng một trong các hình thức như sau:

1. Thông qua tại cuộc họp của cộng đồng dân cư theo các quy định sau:

a) Phải có đại diện của trên 50% tổng số hộ gia đình tại cộng đồng dân cư tham dự họp;

b) Trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp thực hiện theo quy định tại Điều 18 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Thông qua bằng hình thức phát phiếu lấy ý kiến từng hộ gia đình trong cộng đồng dân cư theo các quy định sau:

a) Chỉ lấy ý kiến sau khi cuộc họp của cộng đồng dân cư không thể thực hiện được do không đạt tỷ lệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Kết quả lấy ý kiến phải công khai sau khi tổng hợp bằng hình thức phù hợp do Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn;

c) Trình tự, thủ tục lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 19 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Điều 11. Công nhận hương ước, quy ước

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền công nhận hương ước, quy ước.

2. Hương ước, quy ước được công nhận khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Phạm vi nội dung, hình thức phù hợp với quy định tại các điều 5 và 6 Nghị định này;

b) Tuân thủ nguyên tắc, trình tự, thủ tục quy định tại các điều 4, 7, 8, 9 và 10 Nghị định này.

3. Trình tự, thủ tục công nhận hương ước, quy ước thực hiện theo quy định tại các điều 20 và 21 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và quy định sau:

a) Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố gửi hồ sơ đề nghị công nhận hương ước, quy ước tới Ủy ban nhân dân cấp xã chậm nhất sau 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức cuộc họp cộng đồng dân cư thông qua hương ước, quy ước hoặc ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến bằng phiếu;

b) Sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận hương ước, quy ước, công chức Văn hóa - Xã hội cấp xã chủ trì, phối hợp với công chức Tư pháp - Hộ tịch tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công nhận trong thời hạn chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị; trường hợp cần thiết, công chức Văn hóa - Xã hội đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì họp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận ở cộng đồng dân cư để xem xét, quyết định công nhận. Quyết định công nhận hương ước, quy ước thực hiện theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp không công nhận hương ước, quy ước thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Hồ sơ đề nghị công nhận hương ước, quy ước bao gồm:

a) Văn bản đề nghị công nhận của Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Nghị quyết hoặc biên bản cuộc họp hoặc biên bản lấy ý kiến thông qua hương ước, quy ước theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Dự thảo hương ước, quy ước đã được thông qua.

5. Hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư có hiệu lực thi hành kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công nhận.

Điều 12. Tạm ngừng thực hiện hương ước, quy ước

1. Hương ước, quy ước bị tạm ngừng thực hiện toàn bộ đối với trường hợp quy định tại điểm a hoặc một phần đối với trường hợp quy định tại các điểm b và c khoản này:

a) Không tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục soạn thảo, lấy ý kiến và thông qua quy định tại các điều 8, 9 và 10 Nghị định này;

b) Có nội dung không phù hợp với mục đích, nguyên tắc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước quy định tại các điều 3 và 4 Nghị định này;

c) Có nội dung không phù hợp với nguyên tắc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước quy định tại Điều 4 Nghị định này mà nếu áp dụng sẽ gây ra thiệt hại, ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của cộng đồng dân cư.

2. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phản ánh bằng văn bản của Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư hoặc qua kết quả rà soát, kiểm tra, kiến nghị sau giám sát của các cơ quan, tổ chức liên quan phát hiện các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Có văn bản gửi người phản ánh, kiến nghị về nội dung phản ánh, kiến nghị không có cơ sở;

b) Ban hành quyết định tạm ngừng thực hiện toàn bộ hương ước, quy ước đồng thời hướng dẫn cộng đồng dân cư tiến hành việc soạn thảo, lấy ý kiến, thông qua hương ước, quy ước để đủ điều kiện đề nghị công nhận theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định này đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Ban hành quyết định tạm ngừng thực hiện một phần hương ước, quy ước đồng thời hướng dẫn cộng đồng dân cư tiến hành việc sửa đổi, bổ sung, thay thế nội dung và công nhận hương ước, quy ước theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định này đối với trường hợp quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều này.

3. Quyết định tạm ngừng thực hiện toàn bộ hoặc một phần hương ước, quy ước phải nêu rõ lý do tạm ngừng thực hiện, thời hạn hoàn tất các thủ tục soạn thảo, lấy ý kiến, thông qua để đề nghị công nhận hương ước, quy ước hoặc thời hạn soạn thảo, lấy ý kiến, thông qua và công nhận nội dung được sửa đổi, bổ sung, thay thế của hương ước, quy ước.

Quyết định tạm ngừng thực hiện hương ước, quy ước thực hiện theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Quyết định tạm ngừng thực hiện hương ước, quy ước đến Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến cộng đồng dân cư và đồng thời gửi đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

5. Quyết định tạm ngừng thực hiện hương ước, quy ước có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi có quyết định công nhận hương ước, quy ước đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục soạn thảo, lấy ý kiến và thông qua hoặc quyết định công nhận hương ước, quy ước được sửa đổi, bổ sung, thay thế của Ủy ban nhân dân cấp xã có hiệu lực.

6. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì cộng đồng dân cư hoàn tất các thủ tục soạn thảo, lấy ý kiến, thông qua hương ước, quy ước để được công nhận theo quy định.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung, thay thế hương ước, quy ước

1. Hương ước, quy ước được sửa đổi, bổ sung, thay thế khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Hương ước, quy ước quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều 12 Nghị định này;

b) Cộng đồng dân cư thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, cộng đồng dân cư thực hiện sửa đổi, bổ sung, thay thế theo yêu cầu tại quyết định tạm ngừng thực hiện hương ước, quy ước.

3. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, việc đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

4. Việc soạn thảo, lấy ý kiến, thông qua và công nhận hương ước, quy ước được sửa đổi, bổ sung, thay thế quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại các điều 8, 9, 10 và 11 Nghị định này.

Điều 14. Bãi bỏ hương ước, quy ước

1. Hương ước, quy ước bị bãi bỏ toàn bộ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có nội dung trái với quy định của pháp luật, xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; không phù hợp với thuần phong, mỹ tục, đạo đức xã hội; gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của cộng đồng dân cư;

b) Bị tạm ngừng thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định này nhưng đã hết thời hạn phải hoàn tất các thủ tục soạn thảo, lấy ý kiến, thông qua để được công nhận quy định trong quyết định tạm ngừng thực hiện mà cộng đồng dân cư không hoàn tất các thủ tục này;

c) Không bảo đảm tỷ lệ thông qua quy định tại Điều 10 Nghị định này mà cộng đồng dân cư không thực hiện lại việc thông qua để bảo đảm tỷ lệ theo quy định.

2. Hương ước, quy ước bị bãi bỏ một phần khi bị tạm ngừng thực hiện một phần theo quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều 12 Nghị định này nhưng đã hết thời hạn phải sửa đổi, bổ sung, thay thế được quy định trong quyết định tạm ngừng thực hiện mà cộng đồng dân cư không thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, thay thế nội dung.

3. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phản ánh bằng văn bản của Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư hoặc qua kết quả rà soát, kiểm tra, kiến nghị sau giám sát của các cơ quan, tổ chức liên quan phát hiện trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Có văn bản gửi người phản ánh, kiến nghị về nội dung phản ánh, kiến nghị không có cơ sở;

b) Ban hành quyết định bãi bỏ toàn bộ hương ước, quy ước đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Ban hành quyết định bãi bỏ một phần hương ước, quy ước đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Quyết định bãi bỏ phải được Ủy ban nhân dân cấp xã gửi đến Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến cộng đồng dân cư và đồng thời gửi đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Quyết định bãi bỏ hương ước, quy ước thực hiện theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Chương III
THỰC HIỆN HƯƠNG ƯỚC, QUY ƯỚC

Điều 15. Thông tin, phổ biến, đánh giá thực hiện hương ước, quy ước

1. Hương ước, quy ước đã được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận phải được Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố thông tin, phổ biến kịp thời, rộng rãi đến các hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư để biết, thực hiện bằng hình thức niêm yết công khai tại nhà văn hóa - khu thể thao của cộng đồng dân cư, điểm sinh hoạt cộng đồng và ít nhất một trong các hình thức sau đây:

a) Hội nghị của cộng đồng dân cư;

b) Thông tin trên mạng lưới thông tin cơ sở;

c) Sao gửi đến từng hộ gia đình;

d) Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại cộng đồng dân cư;

đ) Thông qua hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật của đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật; hoạt động hòa giải cơ sở của đội ngũ hòa giải viên, người có uy tín trong cộng đồng dân cư;

e) Hình thức khác phù hợp với điều kiện thực tế của cộng đồng dân cư.

2. Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận ở cộng đồng dân cư tổ chức các hoạt động thông tin, phổ biến nội dung của hương ước, quy ước cho hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư.

3. Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, tổ chức hỗ trợ cộng đồng dân cư tổ chức thông tin, phổ biến, truyền thông và thực hiện hương ước, quy ước.

4. Việc rà soát, đánh giá thực hiện hương ước, quy ước do cộng đồng dân cư thực hiện hằng năm, theo quy định sau:

a) Thời điểm: Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc (ngày 18 tháng 11) hoặc một ngày quan trọng được cộng đồng dân cư thống nhất;

b) Hình thức: Cuộc họp hoặc lồng ghép trong hội nghị của cộng đồng dân cư do Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận ở cộng đồng dân cư;

c) Nội dung: Rà soát nội dung; đánh giá việc thực hiện hương ước, quy ước; kịp thời biểu dương, khen thưởng, động viên; đôn đốc, nhắc nhở, phê bình hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư; đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hương ước, quy ước.

Điều 16. Thống kê, báo cáo về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước

1. Thống kê, báo cáo về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước bao gồm các nội dung sau:

a) Tình hình xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước (đánh giá cụ thể về những tác động của việc thực hiện hương ước, quy ước đến đời sống của cộng đồng dân cư); những khó khăn, vướng mắc, hạn chế trong xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước tại địa phương (nếu có);

b) Số lượng hương ước, quy ước được công nhận hoặc không được công nhận;

c) Số lượng hương ước, quy ước được sửa đổi, bổ sung, thay thế;

d) Số lượng hương ước, quy ước bị tạm ngừng thực hiện hoặc bị bãi bỏ;

đ) Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công cơ quan đầu mối để tổng hợp, báo cáo trên cơ sở việc thống kê, tổng hợp, báo cáo theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Trước ngày 30 tháng 11 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo về tình hình xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Việc sơ kết, tổng kết về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước thực hiện theo kế hoạch, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Điều 17. Trách nhiệm của hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư trong xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước

1. Hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư có trách nhiệm cử đại diện hộ gia đình tham gia họp bàn, thảo luận, quyết định các nội dung của hương ước, quy ước trong cộng đồng dân cư; thực hiện nghiêm túc các nội dung của hương ước, quy ước đã được cộng đồng dân cư thông qua, Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận.

2. Hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư có trách nhiệm tìm hiểu, tôn trọng, tuân thủ và thực hiện hương ước, quy ước đã được công nhận.

3. Khi phát hiện hành vi vi phạm hương ước, quy ước, hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư có trách nhiệm nhắc nhở, đề nghị chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả hoặc phản ánh, kiến nghị với Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận ở cộng đồng dân cư hoặc người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội của cộng đồng dân cư để xem xét, giải quyết theo quy định.

4. Khi phát hiện hương ước, quy ước không bảo đảm trình tự, thủ tục đề xuất, soạn thảo, lấy ý kiến, thông qua hoặc có nội dung trái với quy định của pháp luật, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục, đạo đức xã hội thì hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư có quyền kiến nghị, phản ánh đến Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận ở

cộng đồng dân cư, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban Thanh tra nhân dân để rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, tạm ngừng thực hiện hoặc bãi bỏ hương ước, quy ước.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Trong thời hạn không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định công nhận, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi hương ước, quy ước đã được công nhận cho Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố để tổ chức thực hiện và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã để tổ chức vận động cộng đồng dân cư thực hiện;

b) Kiểm tra, theo dõi việc tổ chức thực hiện hương ước, quy ước tại địa phương;

c) Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước; nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư về việc xây dựng và bảo đảm thực hiện hương ước, quy ước đã được công nhận;

d) Bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện pháp luật về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước;

đ) Hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - kỹ thuật, cơ sở vật chất, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho việc xây dựng và tổ chức thực hiện hương ước, quy ước trên địa bàn;

e) Kịp thời biểu dương, khen thưởng các gương điển hình, có nhiều thành tích trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện tốt hương ước, quy ước; phát hiện và xử lý nghiêm theo thẩm quyền đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước;

g) Định kỳ hằng năm rà soát các hương ước, quy ước trên địa bàn đã được công nhận để chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, tạm ngừng thực hiện hoặc bãi bỏ nếu cần thiết.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện hương ước, quy ước trên địa bàn.

Điều 19. Trách nhiệm của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận ở cộng đồng dân cư trong xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện các công việc đề xuất, soạn thảo, lấy ý kiến, thông qua và đề nghị công nhận hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư;

b) Tổ chức thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư sau khi được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận;

c) Tập hợp, phản ánh, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết kiến nghị của cộng đồng dân cư về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước;

d) Định kỳ hằng năm đánh giá việc thực hiện hương ước, quy ước; rà soát, phát hiện, đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc kiến nghị tạm ngừng thực hiện, bãi bỏ hương ước, quy ước;

đ) Thực hiện đề nghị, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã về sửa đổi, bổ sung, thay thế, tạm ngừng thực hiện hoặc bãi bỏ hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư;

e) Hằng năm, báo cáo kết quả xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư với Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Trưởng ban công tác Mặt trận ở cộng đồng dân cư chủ trì, phối hợp với Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội của cộng đồng dân cư vận động hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư trong xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước; vận động xóa bỏ, không áp dụng phong tục, tập quán lạc hậu, trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

Điều 20. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan trong xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia xây dựng, thực hiện và giám sát việc thực hiện hương ước, quy ước và pháp luật về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát việc tổ chức để cộng đồng dân cư bàn, quyết định và thực hiện các nội dung của hương ước, quy ước trên địa bàn.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan trên địa bàn thuộc phạm vi thực hiện hương ước, quy ước đề cao vai trò nêu gương của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý trong việc thực hiện và phối hợp, hỗ trợ bảo đảm thực hiện hương ước, quy ước.

4. Hòa giải viên ở cơ sở tham khảo, vận dụng hương ước, quy ước để hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp trong quá trình hòa giải tại cơ sở theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.

5. Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật các cấp tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước trong cộng đồng dân cư.

6. Khuyến khích già làng, trưởng bản, người đứng đầu dòng họ, người cao tuổi, chức sắc tôn giáo và những cá nhân có uy tín khác trong cộng đồng dân cư nêu gương, tuyên truyền, vận động, nhắc nhở hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư thực hiện hương ước, quy ước.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ về công tác quản lý nhà nước về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước có nhiệm vụ:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi việc triển khai thực hiện pháp luật về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước;

c) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước;

d) Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước;

đ) Hướng dẫn việc ghi nhận các phong tục, tập quán tiến bộ; vận động xóa bỏ, không áp dụng phong tục, tập quán lạc hậu trong hương ước, quy ước;

e) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, trả lời kiến nghị, phản ánh, khen thưởng và xử lý vi phạm trong thực hiện pháp luật về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước trong phạm vi cả nước;

g) Thống kê, báo cáo, sơ kết, tổng kết về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị xử lý hương ước, quy ước có nội dung trái pháp luật, xâm phạm các quyền con người, quyền công dân.

3. Ủy ban Dân tộc phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn việc ghi nhận các phong tục, tập quán tiến bộ; vận động xóa bỏ, không áp dụng phong tục, tập quán lạc hậu trong hương ước, quy ước ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo, hướng dẫn việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước phù hợp với lĩnh vực được giao quản lý.

Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Thực hiện quản lý nhà nước về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư trên địa bàn.

2. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn liên quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các cấp theo phân cấp thực hiện quản lý nhà nước về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước tại Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Căn cứ điều kiện thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách địa phương, đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc hỗ trợ kinh phí xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư trên địa bàn từ nguồn ngân sách của địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Kinh phí thực hiện

1. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động quản lý nhà nước và hỗ trợ cộng đồng dân cư về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Kinh phí xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước do cộng đồng dân cư tự bảo đảm.

3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân hỗ trợ, đóng góp kinh phí, điều kiện cần thiết khác trong xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Quy định chuyển tiếp

1. Hương ước, quy ước đã được phê duyệt hoặc công nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà phù hợp với quy định tại Điều 4 Nghị định này được tiếp tục thực hiện cho đến khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ theo quy định.

2. Đối với hương ước, quy ước đã được phê duyệt hoặc công nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng không phù hợp với quy định tại Điều 4 Nghị định này thì cộng đồng dân cư xây dựng hương ước, quy ước mới thay thế trước ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Điều 25. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 8 năm 2023

2. Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Trần Hồng Hà

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số /2023/NĐ-CP
Ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Văn bản đề nghị công nhận hương ước, quy ước
Mẫu số 02	Nghị quyết hoặc biên bản cuộc họp hoặc biên bản lấy ý kiến thông qua hương ước, quy ước
Mẫu số 03	Quyết định công nhận hương ước, quy ước
Mẫu số 04	Quyết định tạm ngừng thực hiện hương ước, quy ước
Mẫu số 05	Quyết định bãi bỏ hương ước, quy ước

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... (1) .., ngày ……. tháng…….. năm…….

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN HƯƠNG ƯỚC/QUY ƯỚC

Kính gửi: Ủy ban nhân dân … (2) …….

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số …/2023/NĐ-CP ngày … tháng … năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư;

Trên cơ sở quyết định của cộng đồng dân cư… (1) họp/lấy ý kiến ngày…tháng….năm… về việc bàn thông qua hương ước/quy ước.

Cộng đồng dân cư… (1) … thống nhất đề nghị Ủy ban nhân dân …. (2) …. công nhận hương ước/quy ước… (1) … (*Hồ sơ đề nghị công nhận hương ước/quy ước gửi kèm).*

Chúng tôi cam kết tuân thủ nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định số …/2023/NĐ-CP ngày … tháng … năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân…. (2) ….xem xét, công nhận.

Nơi nhận:
…….

TM. CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ … (1) …
… (3) …
(Ký)

Họ và tên

(1) Tên thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/plei/tổ dân phố/khu phố/khối phố/khóm/ tiểu khu và tương đương.

(2) Tên xã/phường/thị trấn.

(3) Trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố.

Mẫu số 02

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ QUYẾT/BIÊN BẢN CUỘC HỌP/BIÊN BẢN LẤY Ý KIẾN thông qua hương ước/quy ước …. (1)

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số …/2023/NĐ-CP ngày … tháng … năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

Hôm nay, ngày … (2), tại…. (3) … cộng đồng dân cư… (1) đã tổ chức họp/lấy ý kiến thông qua hương ước/quy ước… (1).

1. Thành phần dự họp/lấy ý kiến:

- Tổng số hộ gia đình thuộc cộng đồng dân cư:….

- Số người đại diện hộ gia đình có mặt/Số người đại diện hộ gia đình trả lời ý kiến:…..

- Số hộ gia đình không có người đại diện tham dự/Số người đại diện hộ gia đình không trả lời ý kiến:…..

2. Nội dung cộng đồng dân cư bàn/lấy ý kiến về hương ước/quy ước …(4) …

3. Hình thức cộng đồng dân cư thông qua:… (5) …

4. Kết quả biểu quyết tại cuộc họp/tổng hợp phiếu lấy ý kiến bằng phiếu của hộ gia đình (6):

- Số đại diện hộ gia đình tán thành:….

- Số đại diện hộ gia đình không tán thành:…

- Số đại diện hộ gia đình có ý kiến khác:…

Kết quả hương ước/quy ước … (1) được thông qua/không được thông qua/tổng số hộ gia đình thuộc cộng đồng dân cư, đạt tỷ lệ:…(%)

5. Nội dung thông qua/không được thông qua của cộng đồng dân cư:… (4)

Nghị quyết/biên bản này được cộng đồng dân cư... (1) ...thống nhất nội dung và có đại diện ký xác nhận dưới đây.

02 ĐẠI DIỆN CÁC HỘ GIA ĐÌNH CỦA... (1)	**TM. BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN... (1)**	**TM. CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ (1) …**
(Ký)	*(Ký)*	**… (7) …**
		(Ký)
Họ và tên	**Họ và tên**	**Họ và tên**

Nơi nhận:
…….

(1) Tên thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/plei/tổ dân phố/khu phố/khối phố/khóm/ tiểu khu và tương đương.

(2) Cụ thể thời gian họp/lấy ý kiến: Ngày, tháng, năm.

(3) Địa điểm tổ chức cuộc họp/lấy ý kiến.

(4) Ghi rõ nội dung toàn văn hay một phần hương ước/quy ước.

(5) Ghi rõ hình thức họp (biểu quyết bằng hình thức giơ tay hay bỏ phiếu kín)/phát phiếu lấy ý kiến.

(6) Lấy ý kiến bằng phiếu ghi rõ số phiếu phát ra, số phiếu thu về/số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ.

(7) Trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố.

Mẫu số 03

UBND…. (1)	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-UBND	*… (1), ngày… tháng… năm…*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận hương ước/quy ước

ỦY BAN NHÂN DÂN ….. (1)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư;

Theo đề nghị của Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố...(2)…

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kèm theo Quyết định này hương ước/quy ước ….(2).

Điều 2. Giao Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố…(2)…. tổ chức theo dõi, đôn đốc việc thực hiện hương ước/quy ước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4..……(3)…….. Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố, cộng đồng dân cư…(2) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
…….	*(Ký, đóng dấu)*
	Họ và tên

(1) Tên xã/phường/thị trấn.

(2) Tên thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/plei/tổ dân phố/khu phố/khối phố/khóm/ tiểu khu và tương đương.

(3) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Mẫu số 04

UBND …. (1)	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-UBND	*… (1), ngày… tháng… năm…*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tạm ngừng thực hiện hương ước/quy ước

_____

ỦY BAN NHÂN DÂN….. (1)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư;

Theo đề nghị của ….

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm ngừng thực hiện toàn bộ hoặc (3) hương ước/quy ước ….(2) đã được công nhận tại Quyết định…(4). Lý do:….(5).

Điều 2. Giao Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố…(2)…. phổ biến đến toàn thể hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư về việc tạm ngừng thực hiện hương ước/quy ước …(2); trong thời gian…(6)….Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố…(2)… phải tổ chức thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc thủ tục đề nghị công nhận hương ước/quy ước ….(2) theo quy định tại Nghị định số …/2023/NĐ-CP ngày … tháng … năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4……(7)…….. Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố và cộng đồng dân cư… (2)…chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
- Như Điều 4;	*(Ký, đóng dấu)*
- Ủy ban MTTQVN… (1)	**Họ và tên**
…….	

(1) Tên xã/phường/thị trấn.

(2) Tên thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/plei/tổ dân phố/khu phố/khối phố/khóm/ tiểu khu và tương đương.

(3) Nêu rõ điểm, khoản, điều, nội dung hương ước/quy ước bị tạm ngừng thực hiện một phần

(4) Số hiệu, ngày tháng năm Quyết định công nhận hương ước/quy ước bị tạm ngừng.

(5) Nêu rõ lý do nội dung vi phạm theo quy định tại khoản, điều Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

(6) Số ngày cụ thể.

(7) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Mẫu số 05

UBND…. (1)	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-UBND	*... (1), ngày... tháng... năm….*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bãi bỏ hương ước/quy ước

ỦY BAN NHÂN DÂN…..(1)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư;

Theo đề nghị của Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố...(2)…

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ hoặc (3) hương ước/quy ước …. (2) đã được công nhận tại Quyết định… (4). Lý do:…. (5)

Điều 2. Giao Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố… (2) …. phổ biến đến toàn thể hộ gia đình, công dân cư trú tại cộng đồng dân cư về việc bãi bỏ hương ước/quy ước… (2).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định…(4) hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 4…… (6) …….. Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố và cộng đồng dân cư… (2) …chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
- Như Điều 4;	*(Ký, đóng dấu)*
- Ủy ban MTTQVN… (1)	
…….	
	Họ và tên

(1) Tên xã/phường/thị trấn.

(2) Tên thôn/làng/ấp/bản/buôn/bon/phum/sóc/plei/tổ dân phố/khu phố/khối phố/khóm/ tiểu khu và tương đương.

(3) Nêu rõ điểm, khoản, điều, nội dung hương ước, quy ước bị bãi bỏ một phần.

(4) Số hiệu, ngày tháng năm Quyết định công nhận hương ước/quy ước bị bãi bỏ.

(5) Nêu rõ lý do nội dung vi phạm theo quy định tại khoản, điều Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023 của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

(6)Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.